

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC VÀ XÂY DỰNG QUẢNG NGÃI
Số: 44/CTCN-2018

V/v giải trình lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2018 so với 6 tháng đầu năm 2017

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày 14 tháng 8 năm 2018

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Tên cổ phiếu:

Mã cổ phiếu:

Địa chỉ:

Mã số thuế:

Người đại diện:

Căn cứ thông tư số 155/2015/TT-BTC có hiệu lực ngày 01/01/2016 của Bộ tài chính về việc công bố thông tin định kỳ của tổ chức niêm yết quy định giải trình cụ thể khi lợi nhuận sau thuế chênh lệch 10% so với cùng kỳ năm trước.

Công ty CP Cấp thoát nước và Xây dựng Quảng Ngãi giải trình về việc lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2018 so với 6 tháng đầu năm 2017 cụ thể như sau :

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	CÔNG TY ME				HỢP NHẤT			
		6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017	Tăng/giảm	Tỷ lệ(%)	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017	Tăng/giảm	Tỷ lệ(%)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26.945.623.390	26.209.585.188	736.038.202		26.945.623.390	26.209.585.188	736.038.202	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	0	0	0		0	0	0	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	26.945.623.390	26.209.585.188	736.038.202	3%	26.945.623.390	26.209.585.188	736.038.202	3%
4. Giá vốn hàng bán	11	19.385.450.206	18.272.152.578	1.113.297.628	6%	19.385.450.206	18.272.152.578	1.113.297.628	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp	20	7.560.173.184	7.937.432.610	(377.259.426)	-5%	7.560.173.184	7.937.432.610	(377.259.426)	-5%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.225.402.795	4.727.916	4.220.674.879		4.343.784.118	126.661.710	4.217.122.408	
7. Chi phí tài chính	22	1.107.100.537	1.430.098.393	(322.997.856)	-23%	1.107.100.537	1.430.098.393	(322.997.856)	-23%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	1.107.100.537	1.430.098.393	(322.997.856)		1.107.100.537	1.430.098.393	(322.997.856)	
8. Chi phí bán hàng	25	1.147.597.228	931.625.549	215.971.679	65%	1.147.597.228	931.625.549	215.971.679	62%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	2.632.820.265	1.592.381.057	1.040.439.208	73%	2.679.840.469	1.654.262.107	1.025.578.362	72%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	6.898.057.949	3.988.055.527	2.910.002.422		6.969.419.068	4.048.108.271	2.921.310.797	
(30=20+(21-22)-(25+26)									
11. Thu nhập khác	31	1.427.610		1.427.610		5.427.610		5.427.610	
12. Chi phí khác	32	156.748.062	1.180.422	155.567.640		156.748.062	1.180.422	155.567.640	
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	(155.320.452)	(1.180.422)	(154.140.030)		(151.320.452)	(1.180.422)	(150.140.030)	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	6.742.737.497	3.986.875.105	2.755.862.392	69%	6.818.098.616	4.046.927.849	2.771.170.767	68%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	1.708.558.899	868.679.029	839.879.870		1.723.631.123	880.689.578	842.941.545	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	0	0	0		0	0	0	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	5.034.178.598	3.118.196.076	1.915.982.522	61%	5.094.467.493	3.166.238.271	1.928.229.222	61%
(60=50-51-52)									
18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ						5.070.351.935	3.147.021.393		
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát						24.115.558	19.216.878		
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu						254	573		
21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu						254	573		



BCTC CÔNG TY MẸ

- Lợi nhuận trong 6 tháng đầu năm 2018 tăng đột biến với lý do : Doanh thu bán hàng và giá vốn tăng không đáng kể,
 - Trong khi : - Chi phí tài chính giảm;
 - Doanh thu hoạt động tài chính tăng cao đột biến
- Dẫn đến lợi nhuận trong 6 tháng đầu năm 2018 tăng cao.

BCTC HỢP NHẤT

- Lợi nhuận trong 6 tháng đầu năm 2018 tăng đột biến với lý do : Doanh thu bán hàng và giá vốn tăng không đáng kể,
- Trong khi : - Chi phí tài chính giảm;
 - Doanh thu hoạt động tài chính tăng cao đột biến
 - Dẫn đến lợi nhuận trong 6 tháng đầu năm 2018 tăng cao.

Trần Trọng!

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu P Kế toán, P HC

